TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **207**/2023/QĐST-HNGĐ.	*Mỏ Cày Nam, ngày 18 tháng 09 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 311/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Lê Phương H, sinh năm 1985;

Địa chỉ : ấp T, xã B, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Kim S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh H, chị S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S có 01 con chung cháu Lê Phạm Khiết T, sinh ngày 12/02/2011 khi ly hôn anh, chị thỏa thuận chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận này của anh chị là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 cuả Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S thuận tình ly hôn. Anh H, chị S không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung cháu Lê Phạm Khiết T, sinh ngày 12/02/2011, khi ly hôn chị Phạm Thị Kim S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Phương H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Lê Phương H lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Phạm Thị Kim S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Phương H.

Vì lợi ích của con chung, chị Phạm Thị Kim S và anh Lê Phương H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Phạm Thị Kim S và anh Lê Phương H có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Phương H và chị Phạm Thị Kim S tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh H, chị S đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001094 ngày 31 tháng 08 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yến